TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 31 - 12 - 2019
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Thực.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thường Tín.
Bà Trịnh Thị Kim Phương.

Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Việt Cường - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2019 về việc: *"Ly hôn"*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Xuân Tr, SN 1992.

Địa chỉ: thôn Ng, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Th, SN 1992.

HKTT: thôn CD, xã TPh, huyện PC, HY.

Hiện trú tại: No27. Huaj hong S.Rd, DaLiao Dist. Kaohsiung City 83164 Taiwan (R.O.C).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Dương Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2014.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Trâm: Chị Trần Thị Th, SN 1992 (mẹ đẻ).

- Bà Nguyễn Thị H, SN 1967 (là bà ngoại và hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm).

Địa chỉ: thôn CD, xã TPh, huyện PC, tỉnh HY.

4. Người làm chứng:

Ông Dương Minh T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: thôn Ng, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn Anh Dương Xuân Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh kết hôn với Chị Trần Thị Th trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên vào ngày 30/10/2013. Gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống cùng bố mẹ đẻ anh Tr tại Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, Hưng Yên đến tháng 2/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, công việc, quan điểm sống; chị Th có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Khoảng tháng 3/2015, chị Th bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở Tống Phan, Phù Cừ, Hưng Yên sinh sống. Anh Tr cùng gia đình đã nhiều lần xuống nhà thông gia bàn bạc, nói chuyện để hàn gắn tình cảm cho anh Tr, chị Th nhưng đều không có kết quả. Đến tháng 10/2015, chị Th đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, hai bên không liên lạc gì với nhau. Anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên anh đề nghị được ly hôn chị Th.

Về con chung: Quá trình chung sống chị Th có sinh được 01 con gái tên là Dương Bảo Trâm, sinh ngày 21/5/2014 hiện đang được bà Nguyễn Thị H, là mẹ đẻ chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo kết quả giám định ADN do anh Tr cung cấp thì cháu Trâm không phải con chung của anh Tr và chị Th. Ly hôn anh Tr có quan điểm giao cháu Trâm cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh Tr xác định vợ chồng không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn anh Tr xác định chị Th không về nước nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự và đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Phía bị đơn Chị Trần Thị Th:

Theo địa chỉ nguyên đơn anh Tr cung cấp chị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn CD, xã TPh, huyện PC, tỉnh HY. Hiện trú tại: No27. Huaj hong S.Rd, DaLiao Dist. Kaohsiung City 83164 Taiwan (R.O.C). Nơi cư trú cuối cùng của chị Th trước khi đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan: thôn CD, xã TPh, huyện PC, tỉnh HY.

Tòa án đã làm việc với UBND xã Tống Phan, huyện Phù Cừ; bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị Th) xác định: chị Th đang đi lao động ở Đài Loan, trước khi đi Đài Loan chị Th đã về sinh sống, làm ăn và đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CD, xã TPh, huyện PC, tỉnh HY. Tòa án yêu cầu bà Hằng cung cấp địa chỉ của chị Th cho Tòa án để làm căn cứ giải quyết vụ án ly hôn nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; Công văn số 405/CV-TA ngày 26/9/2019; Kết quả xét nghiệm ADN; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17 ngày 16/12/2019… cho bà Nguyễn Thị H và yêu cầu bà Hằng gửi, thông báo cho Chị Trần Thị Th biết, trả lời các nội dung có liên quan đến vụ án. Đến ngày xét xử vụ án, Tòa án vẫn không nhận được ý kiến phản hồi của chị Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là mẹ đẻ Chị Trần Thị Th: Về địa chỉ của chị Th, quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con cái như anh Tr trình bày là chính xác. Từ khi chị Th đi Đài Loan, chị Th là người chủ động liên lạc về gia đình nên bà và gia đình không có địa chỉ cụ thể của chị.

Đối với việc Tòa án yêu cầu; giao, tống đạt các tài liệu, văn bản theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự: Bà đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa và đã thông báo cho chị Th biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Theo bà Hằng, quan điểm của chị Th như sau: chị Th đã nhận được các văn bản của Tòa án, nắm được việc anh Tr xin ly hôn và chị nhất trí. Về cháu Trâm, chị Th xác định là con riêng mà không phải con chung của vợ chồng nên chị đề nghị giao cháu Trâm cho chị chăm sóc nuôi dưỡng không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng. Đồng thời chị nhờ mẹ đẻ là bà Hằng trông hộ cháu Trâm trong thời gian chị chưa về Việt Nam.

Bà Hằng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr và chị Th là trầm trọng, đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn. Đồng thời giao cháu Trâm cho chị Th. Bà tự nguyện chăm sóc cháu Trâm thay chị Th cho đến khi chị Th về nước.

Bà Hằng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Người làm chứng: ông Dương Minh Tuân (bố đẻ anh Tr) trình bày:

Ông nhất trí với ý kiến, quan điểm của anh Tr về việc xin ly hôn với Chị Trần Thị Th; việc chị Th có về nhà ông sinh sống nhưng không có gì liên quan, đề nghị Tòa án khi xét xử cho ông được vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn anh Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Th; giao cháu Trâm cho chị Th chăm sóc, anh không phải cấp dưỡng.

Bị đơn vắng mặt; bà Hằng, ông Tuân đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn, người liên quan vắng mặt đã được Tòa án tống đạt các tài liệu, văn bản tố tụng theo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Đối với việc chị Th vắng mặt, không cung cấp địa chỉ, lời khai. Đề nghị áp dụng Công văn 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa để giải quyết vụ án.

Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của Anh Dương Xuân Tr. Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho Anh Dương Xuân Tr được ly hôn Chị Trần Thị Th. Về con chung: có căn cứ xác định Cháu Dương Bảo Tr là còn riêng của chị Th nên giao cháu Trâm cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng; tài sản chung, công nợ chung không có, đương sự không đề nghị nên không giải quyết. Về án phí: Anh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Dương Xuân Tr, SN 1992; Địa chỉ: thôn Ng, xã LĐ, huyện VL, tỉnh HY xin ly hôn với Chị Trần Thị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn CD, xã TPh, huyện PC, tỉnh HY. Hiện trú tại: No27. Huaj hong S.Rd,

DaLiao Dist. Kaohsiung City 83164 Taiwan (R.O.C). Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên theo quy định tại Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các tài liệu, giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị Th) theo quy định. Bà Hằng đã thông báo cho chị Th nhưng chị Th không có ý kiến trả lời. Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người liên quan, người làm chứng nhưng đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Công văn 253/TANDTC - PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 123/2013 ngày 30/10/2013 của Ủy ban nhân dân xã Lạc Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên thì quan hệ hôn nhân giữa Anh Dương Xuân Tr và Chị Trần Thị Th là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng về cách sống, quan điểm sống, kinh tế gia đình, chị Th có quan hệ không trong sáng. Tháng 3/2015, chị Th đã bỏ về Phù Cừ, Hưng Yên sinh sống, vợ chồng ly thân. Cuối năm 2015, chị Th đi xuất khẩu lao động Đài Loan từ đó vợ chồng không còn tình cảm, không còn liên lạc với nhau, anh Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn chị Th.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Tr và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống cách xa nhau nhiều năm, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Do vậy, cần chấp nhận việc xin ly hôn của anh Tr đối với chị Th để hai bên ổn định và có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

[2.2]. Về Cháu Dương Bảo Tr:

Theo anh Tr trình bày: Quá trình chung sống chị Th có sinh được 01 con gái tên là Dương Bảo Trâm, sinh ngày 21/5/2014 hiện đang được bà Nguyễn Thị H, SN 1967 là mẹ đẻ chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo kết quả giám định ADN do anh Tr cung cấp thì cháu Trâm không phải con chung của anh Tr và chị Th. Ly hôn anh Tr có quan điểm giao cháu Trâm cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng.

Tòa án tiến hành trưng cầu giám định, tại Kết quả xét nghiệm ADN có mã số 121103 ngày 13/12/2019 của Trung tâm phân tích ADN và công nghệ di truyền xác định Cháu Dương Bảo Tr không phải con của Anh Dương Xuân Tr. Chị Th đề nghị giao cháu cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy cần giao cháu Trâm cho chị Th, không buộc anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Trâm cho đến khi khi chị Th về nước.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh Tr xác định vợ chồng không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Dương Xuân Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Dương Xuân Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Anh Dương Xuân Tr được ly hôn Chị Trần Thị Th.

2. Về cháu Trâm:

Xác định Cháu Dương Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2014 không phải là con chung của Anh Dương Xuân Tr và Chị Trần Thị Th.

Giao Cháu Dương Bảo Tr, sinh ngày 21/5/2014 cho Chị Trần Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H nhận trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trâm thay chị Th cho đến khi chị Th về nước.

3**.** Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp chung không có, không yêu cầu, Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Dương Xuân Tr phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ anh Tr đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu số AA/2015/0000421 ngày 18/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên (anh Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Những người có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định. Chị Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Trung Thực

Nơi gửi:
- Viện kiểm sát tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Chị Th;
- Anh Tr;
- Bà Hằng;
- Lưu HS, Vp.